



























DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC Y TẾ







Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Số Quyết định	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Mã QR-Code
1	1.001396	Cung cấp thuốc phóng xạ	3771/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
2	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	2669/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
3	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc.	2257/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
4	1.014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
5	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	







6	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	2547/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
7	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
8	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
9	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	2547/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
10	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
11	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	





12	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	2547/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
13	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	2547/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
14	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
15	1.014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	2546/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cấp Tỉnh	
16	1.014089	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cơ quan khác	







17	1.014075	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cơ quan khác	
18	1.014145	Kiểm nghiệm trước khi lưu hành đối với vắc xin, sinh phẩm là huyết thanh chứa kháng thể, sinh phẩm là dẫn xuất của máu và huyết tương người	2373/QĐ-BYT	Dược phẩm	Cơ quan khác	
19	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	2495/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	
20	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	2045/QĐ_BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	
21	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	2495/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	







22	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	2495/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	
23	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	3106/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
24	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	3106/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
25	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	3106/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
26	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mắt, rách, hồng	3106/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
27	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	2045/QĐ_BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	







28	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	2045/QĐ_BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
29	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	2045/QĐ_BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
30	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2495/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
31	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2976/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
32	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2495/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
33	1.012275	Đăng ký hành nghề	2045/QĐ_BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	







34	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	2045/QĐ_BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
35	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	2045/QĐ_BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	
36	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	2045/QĐ_BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	
37	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
38	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
39	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	







		và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025				
40	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
41	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
42	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
43	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	







44	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
45	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
46	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
47	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
48	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	2495/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm	Cấp Tỉnh	
49	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	2831/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền	Cấp Tỉnh	







50	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	2495/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền	Cấp Tỉnh	
51	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	2495/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền	Cấp Tỉnh	
52	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	2115/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền	Cấp Tỉnh	
53	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2495/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền	Cấp Tỉnh	
54	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1463/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền	Cấp Tỉnh	
55	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	2495/QĐ-BYT	Thiết bị y tế	Cấp Tỉnh	

56	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	2495/QĐ-BYT	Thiết bị y tế	Cấp Tỉnh	
57	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	2495/QĐ-BYT	Thiết bị y tế	Cấp Tỉnh	
58	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	2075/QĐ-BYT	Thiết bị y tế	Cấp Tỉnh	
59	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	2075/QĐ-BYT	Thiết bị y tế	Cấp Tỉnh	
60	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	2495/QĐ-BYT	Thiết bị y tế	Cấp Tỉnh	
61	1.009249	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	2244/QĐ-BYT	Thi đua, khen thưởng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	







62	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	5444/QĐ-BYT	Thi đua, khen thưởng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	
63	1.012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	2234/QĐ-BYT	Thi đua, khen thưởng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	
64	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	3904/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	
65	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	3904/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	
66	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	3904/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	
67	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	2293/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	




68	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	3246/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	
69	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	2293/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	
70	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	7866/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	
71	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	7866/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	
72	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	4708/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	
73	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	3246/QĐ-BYT	Mỹ phẩm	Cấp Tỉnh	







74	1.001189	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1201/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	
75	1.001114	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	3614/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
76	1.001178	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	3614/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
77	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	433/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
78	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	1273/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
79	2.000972	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	4921/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	







80	2.000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	4921/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
81	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	4921/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
82	2.000997	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	4921/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
83	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
84	1.002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
85	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	



86	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	433/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
87	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
88	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
89	1.013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	3555/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
90	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	3555/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
91	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	3555/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	







92	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	3555/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
93	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
94	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
95	1.013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
96	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
97	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	







98	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
99	1.013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
100	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
101	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
102	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
103	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	




104	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
105	1.013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
106	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế..	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
107	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
108	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
109	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	







110	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
111	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
112	1.013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
113	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
114	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
115	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	







116	1.013898	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) .	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
117	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
118	1.013896	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá.	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh	
119	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	
120	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	
121	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	







122	1.002204	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	4921/QĐ-BYT	Phòng bệnh	Cơ quan khác	
123	1.013845	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.	2082/QĐ-BYT	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	Cấp Tỉnh	
124	1.014332	Cấp lại Giấy chứng sinh	2922/QĐ-BYT	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	
125	1.014331	Cấp Giấy chứng sinh	2922/QĐ-BYT	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	
126	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	792/QĐ-BYT	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	Cấp Xã	
127	1.014138	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2306/QĐ-BYT	Bảo hiểm y tế	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	







128	1.014137	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế	2306/QĐ-BYT	Bảo hiểm y tế	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	
129	1.014139	Ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2306/QĐ-BYT	Bảo hiểm y tế	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	
130	3.000499	Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	2555/QĐ-BYT	Bảo hiểm y tế	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	
131	1.014140	Thủ tục thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và người tham gia bảo hiểm y tế	2306/QĐ-BYT	Bảo hiểm y tế	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	
132	1.014193	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2555/QĐ-BYT	Bảo hiểm y tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	
133	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh	


134	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh	
135	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh	
136	1.013814	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh	
137	1.013815	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh	
138	1.013820	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh	
139	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh	

140	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	
141	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	
142	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	
143	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã	
144	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã	
145	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã	

146	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã	
147	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã	
148	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	2180/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã	
149	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	2180/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội	Cấp Xã	
150	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	5125/QĐ-BYT	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học	Cấp Tỉnh	
151	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	2081/QĐ-BYT	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học	Cấp Tỉnh	

152	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Cấp Tỉnh	
153	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Cấp Tỉnh	
154	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Cấp Tỉnh	
155	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Cấp Tỉnh	
156	1.014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Cấp Tỉnh	
157	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	

158	1.013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	3574/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
159	1.013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	3574/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Cấp Tỉnh	
160	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2082/QĐ-BYT	Trẻ em	Cấp Xã	
161	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2082/QĐ-BYT	Trẻ em	Cấp Xã	
162	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	2082/QĐ-BYT	Trẻ em	Cấp Xã	
163	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2082/QĐ-BYT	Trẻ em	Cấp Xã	

164	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2082/QĐ-BYT	Trẻ em	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	
165	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2082/QĐ-BYT	Trẻ em	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	